# Chi tiết mã HS 5407.61

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 5407.61 |
| **Mô tả hàng hóa** | Vải dệt thoi bằng sợi filament tổng hợp, kể cả vải dệt thoi thu được từ các nguyên liệu thuộc nhóm 54.04 / - Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi filament polyeste chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng: / - - Có hàm lượng sợi filament polyeste không dún chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 08/11/2026 20:45:47 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/540761/ |

## 2 dòng thuế thuộc 5407.61

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 5407.61.10 | Vải dệt thoi bằng sợi filament tổng hợp, kể cả vải dệt thoi thu được từ các nguyên liệu thuộc nhóm 54.04 / - Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi filament polyeste chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng: / - - Có hàm lượng sợi filament polyeste không dún chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng: / - - - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng | kg/m/m2 | 18% | 12% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 5407.61.90 | Vải dệt thoi bằng sợi filament tổng hợp, kể cả vải dệt thoi thu được từ các nguyên liệu thuộc nhóm 54.04 / - Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi filament polyeste chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng: / - - Có hàm lượng sợi filament polyeste không dún chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng: / - - - Loại khác | kg/m/m2 | 18% | 12% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.